

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Định, ngày tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành
Dự án: Đầu tư hạ tầng khu đất tại xã Phước Lộc (GD 1)
phục vụ bố trí TĐC Trung tâm Đào tạo nghiệp vụ giao thông vận tải.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính Quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 656/TTr-STC ngày 20/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, với nội dung chính như sau:

- Tên dự án: Đầu tư hạ tầng khu đất tại xã Phước Lộc (gd 1) phục vụ bố trí TĐC Trung tâm Đào tạo nghiệp vụ giao thông vận tải;
- Chủ đầu tư: Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh Bình Định;
- Cơ quan phê duyệt dự án: UBND tỉnh Bình Định;
- Địa điểm xây dựng: Xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định;
- Thời gian khởi công, hoàn thành (thực tế): 05/1/2020-10/6/2022.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Chi phí đầu tư

Đơn vị tính: đồng.

TT	Nội dung	Dự toán được duyệt	Giá trị quyết toán
	Tổng cộng:	62.726.370.000	60.661.190.000
I	Bồi thường, hỗ trợ TĐC	15.893.717.000	15.817.101.000
	<i>Chi phí bồi thường, GPMB</i>		<i>15.506.755.000</i>

	<i>Chi phí phục vụ công tác BT, GPMB</i>		310.346.000
II	Chi phí xây dựng	40.666.653.000	41.825.450.000
1	Cty TNHH XD Thành Tài		19.727.376.000
	<i>Trong đó: - Chi phí xây lắp:</i>		19.171.451.000
	<i>- Chi phí hạng mục chung:</i>		555.925.000
2	Cty TNHH XD Thuận Đức		10.918.810.000
	<i>Trong đó: - Chi phí xây lắp:</i>		10.612.520.000
	<i>- Chi phí hạng mục chung:</i>		306.290.000
3	Cty TNHH Thanh Huy		11.179.264.000
	<i>Trong đó: - Chi phí xây lắp:</i>		10.879.759.000
	<i>- Chi phí hạng mục chung:</i>		299.505.000
III	Chi phí quản lý dự án	798.344.000	769.972.000
	<i>Ban QLDA DD & CN</i>	0	500.482.000
	<i>Ban GPMB tỉnh</i>	0	269.490.000
IV	Chi phí tư vấn đầu tư	2.111.911.000	1.863.383.000
1	Chi phí lập báo cáo NCKT	229.777.000	229.777.000
2	Chi phí lập TKBVTC - dự toán	382.392.000	373.212.000
<i>a</i>	<i>- San nền</i>	146.625.000	146.040.000
<i>b</i>	<i>- Đường giao thông (cấp IV)</i>	12.479.000	12.479.000
<i>c</i>	<i>- Hệ thống thoát nước (cấp II)</i>	203.424.000	199.922.000
<i>d</i>	<i>- Hệ thống điện (cấp IV)</i>	19.864.000	14.771.000
	<i>+ Chi phí XD, lắp đặt DZ 22kV</i>	9.067.000	9.749.000
	<i>+ Chi phí lắp đặt TBA</i>	10.797.000	5.022.000
3	Chi phí giám sát thi công XD	840.925.000	811.743.000
4	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	2.896.000	0
5	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT XL	77.491.000	77.491.000
6	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT TVGS	1.640.000	1.639.000
7	Chi phí báo cáo đánh giá tác động môi trường	96.790.000	0
8	Chi phí rà phá bom mìn	480.000.000	369.521.000
	<i>Chi phí thi công rà phá bom mìn</i>		360.380.000
	<i>Chi phí tư vấn khảo sát, lập phương án kỹ thuật thi công</i>		9.141.000
V	Chi phí khác	2.059.474.000	385.284.000
1	Chi phí thẩm định DADT	8.547.000	8.547.000

2	Chi phí thẩm định TKBVTC-DT	72.846.000	72.846.000
	<i>Sở Xây dựng thẩm định</i>		70.799.000
	<i>Sở Công thương thẩm định (HM Điện)</i>		2.047.000
3	Chi phí thẩm định HSMT & Kết quả lựa chọn nhà thầu XL	35.223.000	35.222.000
4	Chi phí thẩm định HSMT & Kết quả lựa chọn nhà thầu Giám sát	2.000.000	2.000.000
5	Chi phí bảo hiểm công trình	114.104.000	114.071.000
6	Chi phí ngưng và cấp điện trở lại (TT 10 lần)	489.000	0
7	Chi phí nghiệm thu đóng điện, bàn giao DZ22kV	7.530.000	0
8	Chi phí nghiệm thu đóng điện, bàn giao TBA	2.976.000	0
9	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	218.304.000	143.098.000
10	Chi phí kiểm toán	377.505.000	0
11	Chi phí cho HĐ tư vấn giải quyết kiến nghị của nhà thầu	7.749.000	0
12	Chi phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	9.500.000	9.500.000
13	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu	40.979.000	0
14	Chi phí hạng mục chung	1.161.722.000	0
VI	Dự phòng	1.196.271.000	0

2. Vốn đầu tư

Đơn vị tính: 1.000 đồng.

Nội dung	Dự toán được phê duyệt	Thực hiện			
		Giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân	Số vốn phải thu hồi
Tổng số	62.726.370	60.661.190	60.518.092	143.098	
Vốn đầu tư công: (Vốn NSNN)					
- Ngân sách tỉnh:			60.518.092		
+ Vốn cấp quyền SDD:			59.641.792		
+ Vốn tiền sử dụng đất:			832.056		
+ Vốn tăng thu tiền sử dụng đất NST:			44.244		

3. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư

Đơn vị tính: 1.000 đồng.

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
Tổng số			60.661.190	60.661.190
Tài sản dài hạn (tài sản cố định)			60.661.190	60.661.190
Tài sản ngắn hạn				

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản

- Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: không.
- Chi phí không tạo nên tài sản: không.

5. Vật tư thiết bị tổn động: không.

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan.

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư: Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Đơn vị tính: đồng.

Nguồn	Số tiền	Ghi chú
Tổng số	60.661.190.000	
Vốn đầu tư công: (Vốn NSNN)		
1. Đã bố trí :	60.518.092.000	
- Ngân sách tỉnh:	60.518.092.000	
+ <i>Vốn cấp quyền sử dụng đất:</i>	<i>59.641.792.000</i>	
+ <i>Vốn tiền sử dụng đất:</i>	<i>832.056.000</i>	
+ <i>Vốn tăng thu tiền sử dụng đất NST:</i>	<i>44.244.000</i>	
2. Chưa bố trí:	143.098.000	

Các khoản công nợ tính đến ngày lập báo cáo quyết toán (ngày 21/10/2022) là:

- Tổng nợ phải trả: 143.098.000 đồng (Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán trong Chi phí khác).

- Tổng nợ phải thu: không

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

Đơn vị tính: đồng.

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/ cố định	Tài sản ngắn hạn
UBND huyện Tuy Phước.	60.661.190.000	

Điều 4. Đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm quản lý, sử dụng công trình theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước. Căn cứ số liệu quyết toán được duyệt, các cơ quan liên quan cấp phát, thanh toán, hạch toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo đúng quy định.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Trưởng ban Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Tự Công Hoàng;
- PVP TD;
- Lưu: VT, K19.

Nguyễn Tự Công Hoàng